TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2019/DS-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Hùng

2. Ông La Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 179/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp T, xã C, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Ngô Phước M, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người làm chứng: Ông Phạm Thành Tr, sinh năm: 1976

Địa chỉ: ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:

Bà Lê Thị Th với ông Ngô Phước M có quen biết nhau, do bà Th là hành khách đi xe Bus, còn ông M làm tài xế xe Bus. Ngày 07/6/2019, bà Th có cho ông M vay số tiền 34.000.000 đồng, việc vay tiền có làm hợp đồng, ông M có ký và lăn tay vào hợp đồng; lãi suất vay là 2%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 07/6/2019 đến ngày 07/9/2019). Khi bà Th cho ông M vay tiền có ông Phạm Thành Tr ký tên làm chứng và chứng kiến sự việc bà Th đưa tiền cho ông M. Đến ngày 10/7/2019, ông M có trả cho bà Th số tiền 2.400.000 đồng; ngày 20/7/2019, ông M trả tiếp 4.000.000 đồng. Tổng số tiền ông M đã trả cho bà là 6.400.000 đồng, nên ông M còn nợ 27.600.000 đồng. Từ ngày 20/7/2019 cho đến nay ông M không trả tiền nợ còn lại cho bà Th.

Bà Th yêu cầu ông M trả lại số tiền 27.600.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 10%/năm, tính từ ngày 07/6/2019 đến ngày xét xử, tạm tính là 1.323.287 đồng.

Bị đơn ông Ngô Phước M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện bà Th khởi kiện yêu cầu trả nợ, nhưng ông M vắng mặt không lý do và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án; không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Toà án đã mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bị đơn ông M đều vắng mặt, nên vụ án không tiến hành hoà giải được nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà, bà Th vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông M vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phát biểu quan điểm như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự có mặt đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì vào ngày 07/6/2019 bà Lê Thị Th có cho ông Ngô Phước M vay số tiền 34.000.000 đồng; bà Th thừa nhận ông M có trả cho bà Th được số tiền 6.400.000 đồng nên ông M còn nợ bà

Th là 27.600.000 đồng là có căn cứ. Về lãi suất trong hợp đồng có ghi là 2%/tháng, nhưng bà Th yêu cầu ông M chỉ trả lãi theo quy định pháp luật là 10%/năm, tổng cộng tiền lãi là 1.323.287 đồng là có lợi cho bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Th khởi kiện yêu cầu ông Ngô Phước M trả số tiền gốc là 27.600.000 đồng và tiền lãi là 1.323.287 đồng, theo Hợp đồng vay tiền ngày 07/6/2019. Căn cứ các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Nguyên đơn bà Lê Thị Th và bị đơn ông Ngô Phước M đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng bà Th có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ; còn ông M đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì đương sự chỉ tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xem xét hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, để làm căn cứ xét xử vụ án.

[5] Theo văn bản Hợp đồng vay tiền ngày 07/6/2019 và sự thừa nhận của người làm chứng ông Phạm Thành Tr thì có đủ căn cứ khẳng định giữa bà Lê Thị Th và ông Ngô Phước M có xác lập hợp đồng vay tiền ngày 07/6/2019. Hợp đồng vay tiền giữa bà Th với ông M được xác lập theo ý chí tự nguyện của các bên; mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 119, 463

của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật và phát sinh về quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết.

[6] Theo sự thừa nhận của bà Th và văn bản hợp đồng vay tiền thì bà Th đã cho ông M vay số tiền là 34.000.000 đồng, nhưng ông M đã trả cho bà Th được hai lần tiền cụ thể: lần 01 vào ngày 10/7/2019 số tiền 2.400.000 đồng và lần 02 vào ngày 20/7/2019 số tiền 4.000.000 đồng, tổng số tiền là 6.400.000 đồng. Như vậy số tiền ông M còn nợ bà Th là 27.600.000 đồng nên bà Th yêu cầu ông M trả số tiền gốc còn lại 27.600.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về lãi suất: Theo thỏa thuận trong hợp đồng vay ngày 07/6/2019, mức lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà Th chỉ yêu cầu ông M trả lãi trên số tiền 27.600.000 đồng tính từ ngày 07/6/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/11/2019), tương đương với 175 ngày theo mức lãi suất là 10% năm, cụ thể 27.600.000 đồng x 10%/năm x 175 ngày = 1.323.287 đồng là có lợi cho bị đơn và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Phước M phải chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật. Bà Th được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th đối với ông Ngô Phước M.

Buộc ông Ngô Phước M có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Th số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 28.923.287 đồng; trong đó, tiền nợ gốc còn lại là 27.600.000 đồng, tiền lãi là 1.323.287 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong nếu bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Ngô Phước M phải nộp số tiền 1.446.164 đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị Th tiền tạm ứng án phí đã nộp là 716.000 đồng theo Biên lai thu số 0003637 ngày 13/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hoà;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương